

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

61789-
CÔNG TY
CÔNG NGHỆ
DẦU KHÍ SÀI GÒN
VIỆT NAM
PHỐ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Võ Quang Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Đào Duy Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)
Bà Hà Kiệt Trần	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Phan Nguyễn Anh Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



[Handwritten signature]

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Số: 17.314/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**Luoc Thi Van****Phó Tổng Giám đốc**Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1**Huỳnh Thị Ngọc Trinh****Kiểm toán viên**Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017789
: T
: H
& TU
TNA
: C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		288.475.746.777	66.510.889.576
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	14.784.641.815	19.703.091.700
1. Tiền	111		6.284.641.815	13.703.091.700
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	55.168.092.300	31.598.713.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		534.938.322	541.439.298
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(266.846.022)	(142.726.298)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.900.000.000	31.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.243.379.893	15.182.684.876
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	365.079.560	12.370.336.318
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	3.878.300.333	2.812.348.558
IV. Hàng tồn kho	140		214.250.382.769	
1. Hàng tồn kho	141	(5.5)	214.250.382.769	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.250.000	26.400.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.250.000	26.400.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.298.695.278	40.447.887.007
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.690.491.900	15.667.615.300
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	20.690.491.900	15.667.615.300
II. Tài sản cố định	220		3.298.372.427	3.672.765.599
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	3.298.372.427	3.672.765.599
Nguyên giá	222		5.705.294.426	5.642.794.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.406.921.999)	(1.970.028.827)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.8)	7.126.437.407	8.683.966.847
Nguyên giá	231		23.369.528.709	23.369.528.709
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.243.091.302)	(14.685.561.862)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		351.238.191	351.238.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.6)	351.238.191	351.238.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	8.713.992.384	12.072.301.070
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.500.000.000	7.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(586.007.616)	(527.698.930)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			3.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		118.162.969	
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		118.162.969	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		328.774.442.055	106.958.776.583

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		266.680.389.689	48.796.695.703
I. Nợ ngắn hạn	310		231.252.306.986	10.594.212.580
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311		5.000.000	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.9)	7.609.361.561	7.803.118.124
3. Phải trả người lao động	314	(5.10)	1.303.098.870	1.510.914.903
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.11)	19.062.891.088	55.000.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30.420.000	27.500.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.12)	6.463.374.019	49.253.927
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.13)	195.803.478.455	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.14)	974.682.993	1.148.425.626
II. Nợ dài hạn	330		35.428.082.703	38.202.483.123
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.12)	35.428.082.703	38.202.483.123
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.094.052.366	58.162.080.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15.1)	62.094.052.366	58.162.080.880
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.15.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.712.306.946	22.084.803.063
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.381.745.420	6.077.277.817
LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước	421a		4.335.814.849	3.489.836.063
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.045.930.571	2.587.441.754
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		328.774.442.055	106.958.776.583

Phê duyệt

Người lập



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
 Tổng Giám đốc

LÊ TÂN TÀI
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	68.416.186.368	190.281.180.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.416.186.368	190.281.180.128
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	59.695.857.115	174.559.578.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.720.329.253	15.721.601.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	10.431.298.344	4.735.925.423
7. Chi phí tài chính	22		185.070.172	84.845.162
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			31.370.273
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.4)	10.173.490.836	12.460.456.292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.793.066.589	7.912.225.557
11. Thu nhập khác	31			1.203.636.364
12. Chi phí khác	32			10.909.090
13. Lợi nhuận khác	40			1.192.727.274
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.793.066.589	9.104.952.831
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	1.799.298.987	1.391.030.492
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(118.162.969)	264.000.000
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.111.930.571	7.449.922.339



Phê duyệt

Người lập

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Tổng Giám đốc

LÊ TẤN TÀI
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.793.066.589	9.104.952.831
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02	(6.5)	1.994.422.612	1.990.255.944
Các khoản dự phòng	03		182.428.410	(13.661.968)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.344.855)	(29.271.753)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.423.953.489)	(4.639.653.670)
Chi phí lãi vay	06			31.370.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		538.619.267	6.443.991.657
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.922.958.716	11.377.111.485
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(214.250.382.769)	
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.714.329.622	(1.886.065.565)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.850.000)	(2.400.000)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		6.500.976	
Tiền lãi vay đã trả	14			(31.370.273)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.9)	(1.066.096.830)	(1.053.691.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		80.000.000	300.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.572.665.333)	(1.257.061.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(189.629.586.351)	13.890.514.477
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.500.000)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(72.125.000.000)	(63.150.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		51.725.000.000	62.633.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.417.423.156	4.186.212.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.045.076.844)	3.669.212.670

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		195.803.478.455	1.922.590.830
2. Tiền trả nợ gốc vay	34			(1.922.590.830)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54.610.000)	(5.757.190.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		195.748.868.455	(5.757.190.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(4.925.794.740)	11.802.537.147
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.703.091.700	7.871.282.800
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.344.855	29.271.753
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	(5.1)	14.784.641.815	19.703.091.700

Phê duyệt

Người lập

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

LÊ TÂN TÀI
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	7.930.000.000	26,43%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	17.570.000.000	58,57%	14.700.000.000	49%
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	4.500.000.000	15,00%	-	-
Cộng	30.000.000.000	100,00%	30.000.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45 (31/12/2015: 2.038). Trong đó, nhân viên chính tại Văn phòng Công ty là 32 (31/12/2015: 33).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đa ngành; dịch vụ tiếp thị bia.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tiếp thị bia;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực	16 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	16 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	16 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.1.1. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính**Đối với các khoản đầu tư chứng khoán**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Giá trị xây dựng các dự án được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm tiền thuê đất, chi phí thẩm định dự án, chi phí lãi vay được vốn hóa và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Các khoản phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm

4.8. Cho thuê tài sản***Cho thuê hoạt động***

- Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 13 năm
▪ Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
▪ Bất động sản đầu tư khác	10 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.11. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Trong năm 2016, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Công ty đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016, cụ thể như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ đầu tư phát triển trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế;
- Chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 16% trên mệnh giá cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

4.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung ứng lao động 10%
- Dịch vụ cho thuê và ủy thác thuê nhà 10%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	95.904.363	196.136.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.188.737.452	13.506.955.613
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u>14.784.641.815</u>	<u>19.703.091.700</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	169.179.000	50.073.100	(119.105.900)	169.179.000	269.410.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	134.827.022	42.240.000	(92.587.022)	134.827.022	47.184.000	(87.643.022)
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	140.000.000	395.400.000	-	140.000.000	140.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	59.389.600	26.160.000	(33.229.600)	59.389.600	27.600.000	(31.789.600)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát	4.819.200	18.000.000	-	4.819.200	9.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.723.500	4.800.000	(21.923.500)	26.723.500	6.200.000	(20.523.500)
Cổ phiếu Công ty khác	-	-	-	6.500.976	3.730.800	(2.770.176)
Cộng	534.938.322	536.673.100	(266.846.022)	541.439.298	503.124.800	(142.726.298)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,7%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH MTV Sài Gòn	500.000.000	-	500.000.000	-
Kinh Thương		(459.907.898)		(459.907.898)
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Khí Sài Gòn Du Lịch		(126.099.718)		(67.791.032)
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Khí Sài Gòn Nhân Lực		-		-
Cộng	7.500.000.000	-	7.500.000.000	(527.698.930)

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa
(*)

1.800.000.000

1.800.000.000

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(*) Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Xanh CT - Dầu khí (CT Green) từ ngày 18/10/2016. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa với tỷ lệ vốn góp 10% - xem thêm mục 9.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam	175.031.736	12.216.744.506
Các khách hàng khác	190.047.824	153.591.812
Cộng	365.079.560	12.370.336.318

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa phần lợi nhuận năm 2016 của dự án 259 Điện Biên Phủ	2.000.000.000	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.854.300.333	-	847.770.000	-
Phải thu người lao động	18.000.000	-	11.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	-	-	1.947.578.558	-
Cộng	3.878.300.333	-	2.812.348.558	-
Dài hạn:				
Đặt cọc tiền thuê nhà:	12.876.491.900		13.667.615.300	
Số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	12.771.491.900	-	13.562.615.300	-
Số B2-201 Tháp Boulevard, City Garden	55.000.000		55.000.000	
Số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	50.000.000		50.000.000	
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án 259 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận.3	5.814.000.000	-	-	-
Ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	20.690.491.900	-	15.667.615.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Hàng tồn kho**

Là giá trị xây dựng dự án căn hộ cao cấp tại khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1.	Tiền thuê đất	195.848.933.000 (*)
2.	Chi phí lãi vay dự án	18.166.211.614
3.	Chi phí thẩm định dự án	235.238.155
	Cộng	<u>214.250.382.769</u>

(*) Tiền thuê đất được ghi nhận căn cứ vào thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8981/TB-CT-KTTĐ ngày 14/08/2014 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Công trình 223 Bến Bình Đông	126.991.382	126.991.382
Cộng	<u>351.238.191</u>	<u>351.238.191</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	2.660.293.209	2.950.179.992	32.321.225	5.642.794.426
Mua trong năm	-	-	62.500.000	62.500.000
Tại ngày 31/12/2016	2.660.293.209	2.950.179.992	94.821.225	5.705.294.426
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	1.037.514.348	900.193.254	32.321.225	1.970.028.827
Khấu hao trong năm	106.411.728	326.314.776	4.166.668	436.893.172
Tại ngày 31/12/2016	1.143.926.076	1.226.508.030	36.487.893	2.406.921.999
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	1.622.778.861	2.049.986.738	-	3.672.765.599
Tại ngày 31/12/2016	1.516.367.133	1.723.671.962	58.333.332	3.298.372.427

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 371.983.035 VND.

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.588.307.115	-	-	15.588.307.115
Cơ sở hạ tầng	7.781.221.594	-	-	7.781.221.594
Cộng	23.369.528.709	-	-	23.369.528.709
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	9.234.304.536	1.063.978.536	-	10.298.283.072
Cơ sở hạ tầng	5.451.257.326	493.550.904	-	5.944.808.230
Cộng	14.685.561.862	1.557.529.440	-	16.243.091.302
Giá trị còn lại:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.354.002.579			5.290.024.043
Cơ sở hạ tầng	2.329.964.268			1.836.413.364
Cộng	8.683.966.847			7.126.437.407

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.678.763.816 đồng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2016
Thuế GTGT	1.290.881.959	6.678.166.711	(7.788.626.810)	180.421.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.568.902	1.860.335.372	(1.066.096.830)	957.807.444
Thuế thu nhập cá nhân	56.185.259	663.848.859	(581.863.599)	138.170.519
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (*)	6.266.650.000	196.283.356.101	(196.283.356.101)	6.266.650.000
Thuế môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí	25.832.004	1.785.322.322	(1.744.842.588)	66.311.738
Cộng	7.803.118.124	207.281.029.365	(207.474.785.928)	7.609.361.561

(*) Tiền thuê đất từ năm 2012 đến năm 2016 của khu đất 259 Điện Biên Phủ được tạm tính theo đơn giá quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định cho từng thời kỳ.

5.10. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả lương nhân viên trong công ty	1.256.266.955	1.459.293.000
Phải trả lương nhân viên thời vụ	46.831.915	51.621.903
Cộng	1.303.098.870	1.510.914.903

5.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Lãi vay dự án	18.166.211.614	-
Chi phí thuê đất	851.679.474	-
Các khoản trích trước khác	45.000.000	55.000.000
Cộng	19.062.891.088	55.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	-	54
Bảo hiểm xã hội	297.384.605	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.747.290.000	1.900.000
Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa	4.368.914.156	-
<i>Các khoản thanh toán theo Phụ lục 03 của Hợp đồng số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group – Xem thêm mục 9.1</i>	3.768.914.155	-
<i>Thu hộ tiền đặt cọc mua căn hộ dự án 259 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh</i>	600.000.000	-
Nhân viên tiếp thị bia	49.288.218	41.204.833
Các khoản phải trả, phải nộp khác	497.040	6.149.040
Cộng	6.463.374.019	49.253.927
Dài hạn:		
Nhận đặt cọc tiền thuê nhà	35.208.082.703	37.982.483.123
<i>Số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM</i>	35.021.082.703	37.795.483.123
<i>Số 20 Nguyễn Thị Nhỏ, Quận 5, TP.HCM</i>	82.000.000	82.000.000
<i>Số 429 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM</i>	20.000.000	20.000.000
<i>Số 252 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP.HCM</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Số B2-201 City Garden, 59 Ngô Tất Tố, Quận Bình Thạnh, TP.HCM</i>	55.000.000	55.000.000
Nhận đặt cọc hợp tác kinh doanh	220.000.000	220.000.000
<i>Số 8-10 Châu Văn Liêm, Quận 5, TP.HCM</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Số 223 Bến Bình Đông, Quận 8, TP.HCM</i>	120.000.000	120.000.000
Cộng	35.428.082.703	38.202.483.123

5.13. Vay ngắn hạn

Là khoản vay Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa theo hợp đồng vay vốn số 126/HĐV/CT Green, ngày 19 tháng 12 năm 2014 để Công ty nộp tiền sử dụng đất cho khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh với lãi suất 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số dư đầu năm	1.148.425.626	987.998.845
Trích lập trong năm	1.066.000.000	1.117.488.351
Tăng khác	80.000.000	300.000.000
Sử dụng trong năm	(1.319.742.633)	(1.257.061.570)
Cộng	974.682.993	1.148.425.626

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuê chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2015	30.000.000.000	21.339.810.829	6.189.836.063	57.529.646.892
Lãi trong năm trước	-	-	7.449.922.339	7.449.922.339
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn	-	744.992.234	(744.992.234)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.117.488.351)	(1.117.488.351)
Chia cổ tức	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	30.000.000.000	22.084.803.063	6.077.277.817	58.162.080.880
Lãi trong năm nay	-	-	7.111.930.571	7.111.930.571
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.066.000.000)	(1.066.000.000)
Chia cổ tức 2016	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Hoàn nhập Quỹ Dự phòng tài chính đã trích năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016	-	(372.496.117)	372.496.117	-
Giảm khác	-	-	(313.959.085)	(313.959.085)
Tại ngày 31/12/2016	30.000.000.000	21.712.306.946	10.381.745.420	62.094.052.366

5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	7.930.000.000	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	4.500.000.000	-
Các cổ đông khác	17.570.000.000	14.700.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	27.210,05	27.223,25

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung ứng lao động	45.869.090.861	169.034.757.712
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	22.547.095.507	21.246.422.416
Cộng	<u>68.416.186.368</u>	<u>190.281.180.128</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của dịch vụ cung ứng lao động	44.527.882.331	162.783.845.962
Giá vốn của dịch vụ cho thuê nhà, mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	15.167.974.784	11.775.732.578
Cộng	<u>59.695.857.115</u>	<u>174.559.578.540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	3.614.788.479	2.695.987.670
Lợi nhuận nhận được từ dự án 259 Điện Biên Phủ - xem thêm mục 9.1	6.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	809.151.500	2.010.666.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.344.855	29.271.753
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.510	-
Cộng	<u>10.431.298.344</u>	<u>4.735.925.423</u>

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.812.184.800	7.005.281.600
Chi phí vật liệu quản lý	29.236.818	21.453.637
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.039.093	34.558.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.893.172	432.726.504
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	2.274.080.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.126.501.193	1.124.129.892
Chi phí bằng tiền khác	1.742.635.760	1.568.226.350
Cộng	<u>10.173.490.836</u>	<u>12.460.456.292</u>

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	51.307.407.931	169.615.264.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.994.422.612	1.990.255.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.302.523.436	10.905.608.532
Chi phí khác bằng tiền	2.264.993.972	4.508.905.994
Cộng	<u>69.869.347.951</u>	<u>187.020.034.832</u>

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.799.298.987	1.391.030.492
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.799.298.987</u>	<u>1.737.577.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒNĐịa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.793.066.589	9.104.952.831
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.012.579.846	428.579.040
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(809.151.500)	(3.210.666.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.996.494.935	6.322.865.871
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.799.298.987	1.391.030.492

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp như: chi phí không có đầy đủ hóa đơn chứng từ; thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là các khoản thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực	Công ty con
5. Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt
6. Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Sử dụng dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch	8.677.440	-
Nhận cổ tức:		
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực	800.000.000	-

Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt	3.878.184.000	3.227.747.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	82.633.000	101.700.000

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**9.1 Các thông tin liên quan đến dự án 259 Điện Biên Phủ**

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group ngày 15/07/2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất Động Sản CT về việc thành lập Công ty Cổ phần Căn hộ Xanh CT-Dầu khí (CT Green) để thực hiện dự án xây dựng chung cư cao cấp tại khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, phía Công ty sẽ đứng ra thực hiện các thủ tục pháp lý, nghĩa vụ cần thiết liên quan đến khu đất đến khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ chuyển giao lại mặt bằng khu đất cho CT Green tiếp tục thực hiện dự án. Ngày 18/10/2016, CT Green đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa.

Ngày 18/12/2012, hai bên đã ký phụ lục 03/13/2009/PLHD/SPSC_CT Group quy định lợi ích của Công ty trong dự án 259 Điện Biên Phủ như sau:

<u>STT</u>	<u>Thời gian</u>	<u>Lợi nhuận nhận được</u>
1.	Từ năm 2014 - năm 2016	Lợi nhuận cố định mỗi năm là 02 tỷ đồng (*)
2.	Từ năm 2017 - năm 2022	Lợi nhuận cố định mỗi năm là 05 tỷ đồng
3.	Từ năm 2023 đến khi kết thúc dự án	Lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty trong Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa

(*) Trong năm 2016, Công ty đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ năm 2014 đến năm 2016 với tổng số tiền là 6 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh trong kỳ sau khi xác định khả năng tiếp tục được thực hiện dự án.

Ngoài ra Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa sẽ thanh toán thêm cho Công ty một số khoản liên quan đến việc chuyển nhượng dự án như sau:

<u>STT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>VND</u>
1.	Lợi thế thương mại của dự án	3.000.000.000
2.	Chi phí thẩm định giá khu đất	235.238.155
3.	Tiền thuê đất năm 2011	533.676.000
	Cộng – xem thêm mục 5.12	3.768.914.155

Tiền thuê đất từ năm 2012 trở về sau của khu đất 259 Điện Biên Phủ sẽ được Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa thanh toán lại cho Công ty căn cứ thông báo của Chi Cục Thuế quận 3.

Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã nộp tiền thuê đất với số tiền là 195.848.933.000 đồng căn cứ Quyết định số 3654/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt giá trị đất tại 259 Điện Biên Phủ. Hiện tại Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng để bàn giao cho Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa theo như thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group nêu trên.

9.2 Các thông tin liên quan đến biến động doanh thu năm 2016

Doanh thu cung ứng lao động năm 2016 giảm 123 tỷ so với năm 2015 là do Công ty đã ngưng ký hợp đồng cung ứng lao động tiếp thị cho Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam từ tháng 4 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Người lập



LÊ TÂN TÀI
Kế toán trưởng